

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST**

**Ngày 26/12/2022**

*“V/v tranh chấp ly hôn giữa  
anh H và chị L”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.*

*Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Lê Văn Đáng*

*- Ông Trương Văn Mên*

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28/9/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐST-HN, ngày 21/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 07/12/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Lê Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp G D, xã H M T, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

**Bị đơn:** Chị Lê Thị H L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp G D, xã H M T, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn H trình bày:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Năm 1999 anh và chị Lê Thị H L quen nhau và xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định, thời gian chung sống anh và chị L có 02 con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 09/02/2000 và Lê Thành T, sinh ngày 20/6/2001 đã thành niên, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm không thể dung hoà trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng càng phai nhạt dần, mạnh ai

nấy sống, ly thân từ năm 2017 cho đến nay, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H L.

**Về con chung tên:** Lê Minh Đ, sinh ngày 09/02/2000 và Lê Thành T, sinh ngày 20/6/2001 đã thành niên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung:** Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh H không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về số nợ phải thu, phải trả:** Anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị H L vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.*

***Lời phát biểu của Kiểm sát viên:***

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, cho anh H và chị L được ly hôn với nhau, về con chung tên Lê Minh Đ, sinh ngày 09/02/2000 và Lê Thành T, sinh ngày 20/6/2001 đã thành niên anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả anh H không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, về án phí anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Lê Thị H L có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn chị L vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo luật định.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của anh H khởi kiện xin ly hôn với chị L nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy anh H và chị L chung sống với nhau năm 1999 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của anh H và chị L là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa anh H và chị L tuy chưa thống nhất với nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh anh H và chị L đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt, từ khi ly thân năm 2017 đến nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Tòa án đã hòa giải hai lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đến và tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H xin được ly hôn với chị L là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của anh H, xử cho anh H và chị L được ly hôn với nhau.

**Về nuôi con tên:** Lê Minh Đ, sinh ngày 09/02/2000 và Lê Thành T, sinh ngày 20/6/2001 đã thành niên anh H không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H không khởi kiện, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về số nợ phải thu, phải trả:** Anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Anh H phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn H.

**Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho anh Lê Văn H và chị Lê Thị H L được ly hôn với nhau.

**Về nuôi con:** Lê Minh Đ, sinh ngày 09/02/2000 và Lê Thành T, sinh ngày 20/6/2001 đã thành niên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về tài sản chung:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh H không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về số nợ phải thu, phải trả:** Anh H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Buộc anh Lê Văn H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0010988 ngày 26/9/2022 do anh H nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, anh Lê Văn H đã nộp đủ án phí.

**Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H M T,
- huyện C N, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Lê Thị Tranh**